

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HS-PT

Ngày 12 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Đình Hiền

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Biểu

Bà Vũ Thị Kim Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/TLPT-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị T, do có kháng cáo của bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27A/2018/HS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; nơi sinh và đăng ký HKTT: Thôn Th, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; có chồng là Nguyễn Chí L (tên gọi khác Nguyễn Văn L) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện tại ngoại “có mặt”.

Người bào chữa của bị cáo Thân: Ông Bùi Đình Sơn - Luật sư Văn phòng luật sư Phúc Sơn - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hưng Yên "có mặt".

Nguyên đơn dân sự không kháng cáo:

Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Văn P - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Th1 “có mặt”.

Người có quyền lợi liên quan không kháng cáo:

- Ông Chu Văn P, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Nh, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

- Ông Nguyễn Kim N, sinh năm 1964; trú tại: Thôn Th2, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969 "có mặt";

- Anh Phan Văn Th3, sinh năm 1981 "có mặt";

- Anh Đỗ Trần Th4, sinh năm 1987 "có mặt";

Đều trú tại: Thôn L1, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; trú tại: Thôn C, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- Anh Ngô Anh T3, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Tr, thị trấn Y1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

- Anh Vũ Duy H1, sinh năm 1980; trú tại: Thôn Ch, xã H2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

- Anh Lê Quang Kh, sinh năm 1979; trú tại: Thôn C, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

Người làm chứng:

- Chị Hoàng Thị H3, sinh năm 1979 (cán bộ bưu điện xã Th1); trú tại: Thôn Nh, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên "có mặt".

- Chị Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1992 (cán bộ văn phòng UBND xã Th1 trú tại: Thôn Th5, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên "có mặt".

- Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Th, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên "có mặt".

- Chị Phạm Thị Ch1, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Th, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên "có mặt".

- Chị Phạm Thị Ch2, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Th, xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/6/2016 Ủy ban nhân dân (UBND) xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên ký hợp đồng giao khoán diện tích đất sản xuất gieo trồng và thả cá với bà Nguyễn Thị D.

Ngày 20/3/2017, UBND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số: 714/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án chuyển đổi diện tích 11.270m² đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm cho bà Nguyễn Thị D nhận khoán thầu.

Ngày 08/8/2017, bà Nguyễn Thị D có đơn gửi UBND xã Th1 đề nghị xác định mốc giới đối với diện tích 11.270m² đất dự án của bà D.

Ngày 11/8/2017, UBND xã Th1 ra Quyết định số: 207a/QĐ-UBND thành lập tổ công tác xác định ranh giới, mốc giới diện tích đất giao thầu của bà D với các hộ liên kề. Tổ công tác gồm:

- Ông Chu Văn P - Phó Chủ tịch UBND xã Th1- tổ trưởng;
- Ông Phan Văn Th3 - Cán bộ địa chính, xây dựng xã - ủy viên;
- Ông Lê Quang Kh - Cán bộ địa chính giao thông thủy lợi xã - ủy viên;
- Ông Đỗ Trần Th4 - Cán bộ tư pháp hộ tịch xã - ủy viên;
- Ông Nguyễn Văn K - Trưởng Công an xã - ủy viên;
- Ông Nguyễn Kim Ng - Phó Trưởng Công an xã - ủy viên.

Ngày 12/8/2017, UBND xã Th1 ban hành Kế hoạch số: 207b/KH-UBND về việc thực hiện xác định ranh giới, theo đó từ ngày 12/8/2017 tuyên truyền về chủ trương, kế hoạch tổ chức xác định ranh giới, mốc giới; từ ngày 13/8 đến ngày 25/8/2017 tổ chức rà soát, xem xét về số liệu, đồ bản; từ ngày 30 đến ngày 31/8/2017 thực hiện việc xác định ranh giới, mốc giới dự án với các hộ có liên quan.

Ngày 24/8/2017, UBND xã Th1 có công văn đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y cử cán bộ chuyên môn phối hợp cùng đoàn đo đạc của xã thực hiện việc xác định mốc giới trên thực địa. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Yên Mỹ đã cử các anh Ngô Anh T3 và Vũ Duy H1 là chuyên viên của phòng về phối hợp với đoàn đo đạc của UBND xã Th1 để xác định mốc giới đất dự án thầu khoán cho bà Nguyễn Thị D ngày 31/8/2017.

Sáng ngày 31/8/2017, tổ công tác của UBND xã Th1 cùng các anh Ngô Anh T3, Vũ Duy H1 và lãnh đạo thôn Th tiến hành đo đạc xác định ranh giới đất dự án của bà với các hộ liên quan. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày 31/8/2017, tổ công tác đến hộ gia đình Nguyễn Thị T để làm việc. Nguyễn Thị T không hợp tác, có lời nói chửi bới và cầm dao quắm để đe dọa, ngăn cản đuổi không cho tổ công tác tiến hành đo đạc. Khi anh Phan Văn Th3 và anh Lê Quang Kh đang đo đạc bằng thước dây, Nguyễn Thị T đã cầm dao, liềm ra ngăn cản, rồi dùng chiếc liềm cắt đứt dây thước. Công an xã Th1 đã tiến hành lập biên bản và thu giữ chiếc liềm của T. Khi tổ công tác vẫn tiến hành đo đạc thì T tiếp tục dùng chiếc kéo nhọn đâm vào cánh tay phải của anh Ngô Anh T3 bị thương nhẹ. Thấy Nguyễn Thị T dùng kéo đâm anh T3 vào tay nên ông Nguyễn Văn K đã khống chế, không cho T tiếp tục tấn công tổ công tác và yêu cầu T lên trụ sở UBND xã làm việc nhưng T không chấp hành, giằng co với ông K và bị ngã ra sân. Anh Nguyễn Văn H là em trai của T biết được sự việc đã đến nhà T chửi bới, yêu cầu ông P, ông K phải đưa T đi bệnh viện và giằng co, túm cổ áo giật đứt cúc và rách phần áo trước ngực của ông P. Ông K vào can ngăn thì bị H dùng tay đâm vào đầu ông K và nhặt gạch ném vào ông K nhưng không trúng. Sau đó, Nguyễn Thị T được gia đình đưa đi khám, điều trị tại Bệnh viện đa

khoa P N, huyện M, tỉnh Hưng Yên và có đơn yêu cầu Công an huyện Y xử lý hành vi của ông K đánh Nguyễn Thị T. Công an huyện Y đã ra quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với Nguyễn Thị T và tách hồ sơ để xem xét xử lý ở vụ việc riêng.

Anh Ngô Anh T3 bị thương tích nhẹ ở tay phải, nên anh T3 từ chối việc giám định và không yêu cầu Nguyễn Thị T phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Văn H chửi bới, đánh ông K chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chống người thi hành công vụ, ngày 26/12/2017 Công an huyện Y đã xử phạt vi phạm hành chính bằng phạt tiền.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 51/KL-ĐG ngày 08/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y xác định: Giá trị thiệt hại của chiếc thước dây là 30.000 đồng, người đại diện của UBND xã Th1 yêu cầu Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại giá trị thước dây là tài sản của UBND xã Th1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27A/2018/HS-ST ngày 20/4/2018, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm Tội chống người thi hành công vụ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/4/2018.

Giao Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ Luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ Luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền 30.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm thi hành khoản tiền bồi thường, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 bị cáo Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị T giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét, ngày 31/8/2017 bị cáo ở nhà một mình trông cháu nhỏ, UBND xã không có giấy tờ gì đến làm việc, khi tổ công tác đi từ dưới vườn lên đo đạc vườn đất nhà bị cáo, bị cáo không đồng ý nên có dùng dao quắm, chiếc liềm, chiếc kéo để ngăn cản và đuổi mọi người ra ngoài nhưng họ không ra mà vẫn tiếp tục đo, nên bị cáo có vung chiếc liềm làm đứt dây thước và vung chiếc kéo trúng vào tay một người đang đo đất của gia đình bị cáo. Sau đó bị cáo bị ông K đánh phải đi bệnh viện đa khoa P N điều trị. Bị cáo không phạm tội chống người thi hành công vụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai những người tham gia tụng khác tại phiên tòa và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 10 giờ ngày 31/8/2017, khi tổ công tác của UBND xã Th1 đến khu vực của gia đình bị cáo T để thực hiện nhiệm vụ đo đạc mốc giới đất để giao đất thuộc dự án cho bà Nguyễn Thị D, bị cáo T không hợp tác mà còn chửi đươi, dùng dao, liềm, kéo để ngăn cản tổ công tác thực hiện nhiệm vụ và cắt đứt dây thước, cầm kéo đâm vào tay anh T3 là chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường xuống tăng cường thực hiện nhiệm vụ cùng tổ công tác của UBND xã Th1 làm anh T3 bị thương nhẹ. Hành vi của bị cáo T như vậy đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội chống người thi hành công vụ. Do vậy, bị cáo Nguyễn Thị T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội chống người thi hành công vụ, theo khoản 1 Điều 330 BLHS năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 để phạt bị cáo T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm là phù hợp, tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng. Do vậy, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Bùi Đình Sơn bào chữa cho bị T bày tỏ quan điểm: UBND xã Th1 tiến hành đo đạc xác định mốc giới đất dự án của bà Nguyễn Thị D nhưng diện tích không rõ ràng, quy trình chưa đảm bảo gây bức xúc cho gia đình bị cáo. Bản thân bị cáo T đã có tuổi, tính nóng nảy, không được giải thích rõ ràng nên đã có hành vi cản trở tổ công tác. Khi đo đất, UBND xã không thông báo cho chủ dự án cùng tham gia để nhận mốc giới đất. Ngày 31/8/2017 bị cáo T không biết được mục đích của tổ công tác đến để đo đất; theo quyết định thành lập thì tổ công tác chỉ có 06 người, không có các anh T3, H1 nhưng vẫn tham gia tổ đo đạc nên anh T3, H1 có phải người thi hành công vụ không để bị cáo chống đối. Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bản án sơ thẩm quá nặng, bị cáo là nông dân, không có vi phạm pháp luật, nên áp dụng Điều 157, khoản 1 Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự để hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật là hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của Nguyễn thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và các lời khai trước cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo T đều khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo thực hiện ngày 31/8/2017 để cản trở tổ công tác của UBND xã Th1 không cho vào địa phận đất của gia đình bị cáo đo đạc, xác định mốc giới đất dự án giao cho bà Nguyễn Thị D thầu khoán. Bị cáo T hoàn toàn thừa nhận khi tổ công tác của UBND xã Th1 do ông Chu Văn P - Phó Chủ tịch UBND xã dẫn đầu vào khu vực nhà bị cáo để đo đạc đất nhưng đi từ khu vườn dưới lên bị cáo không đồng ý nên đã đuổi và cầm con dao quắm ra đe dọa tổ công tác nếu vào sẽ chém chết. Sau đó được anh Nguyễn Kim N - Phó trưởng công an xã yêu cầu cất dao đi thì bị cáo cất dao, song lại lấy chiếc liềm ra đe dọa, ngăn cản không cho tổ công tác đo đạc đất và dùng chiếc liềm cắt đứt thước dây của tổ công tác khi tiến hành đo đất. Sau khi bị công an xã thu giữ chiếc liềm thì bị cáo lại lấy tiếp chiếc kéo sắt ra ngăn cản, quyết tâm không cho tổ công tác làm việc và đã dùng chiếc kéo đâm vào tay phải của anh Ngô Anh T3 là cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y được phân công phối hợp cùng tổ công tác xã Th1 làm nhiệm vụ, nên anh T3 bị thương nhẹ. Khi ông Nguyễn Văn K - Trưởng Công an xã Th1 cầm tay yêu cầu bị cáo T lên UBND xã làm việc, trong lúc giằng co bị cáo ngã xuống sân và kêu bị ông K đánh đập vào bụng và bị cáo được gia đình đưa đến bệnh viện đa khoa P N điều trị. Các lời khai của bị cáo T hoàn toàn phù hợp lời khai của ông Chu Văn P - Phó Chủ tịch UBND xã Th1 là tổ trưởng tổ công tác và phù hợp lời khai của các ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Kim N, các anh Phan Văn Th3, Đỗ Trần Th4, Nguyễn Văn H, Lê Quang Kh là thành viên tổ công tác của UBND xã Thành Long và lời khai của các anh Ngô Anh T3, Vũ Duy H1 là cán bộ phòng tài nguyên và môi trường huyện Y được lãnh đạo phòng phân công xuống phối hợp tổ công tác của UBND xã Th1 để thực hiện đo đạc xác định mốc giới đất dự án để cho bà Nguyễn Thị D; đồng thời phù hợp lời khai của các người làm chứng: Ông Nguyễn Ngọc San - Trưởng thôn Th, anh Nguyễn Văn S1 - Phó Trưởng công an xã Th1, anh Nguyễn Văn T4 - công an viên, anh Nguyễn Văn H5 là những người tham gia cùng tổ công tác và chứng kiến sự việc; đồng thời phù hợp biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và kết luận định giá thiệt hại tài sản hộp thước dây của UBND xã Th1. Mặc dù bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi cản trở, chống đối tổ công tác của UBND xã Th1 để ngăn cản tổ công tác thực hiện nhiệm vụ được giao là đo đạc, xác định ranh giới đất của dự án do bà D thầu khoán. Tuy nhiên bị cáo T không nhận tội mà cho rằng, tổ công tác của UBND xã Th1 đến làm việc không thông báo trước và ở nhà chỉ có mình bị cáo nên không đồng ý cho đo đạc đất, có hành vi đuổi, ngăn cản tổ công tác; bị cáo làm như vậy để giữ tài sản chứ không chống người thi hành công vụ.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi tiến hành đo đạc ranh giới đất trên thực địa giao đất dự án cho bà D, UBND xã Thanh Long đã thành lập

tổ công tác, xây dựng kế hoạch, nhiều lần gửi giấy mời gia đình bị cáo T lên UBND xã làm việc, nhưng không đến. Trước khi tiến hành đo đạc thực trên địa, ngày 30/8/2017 UBND xã Th1 đã có giấy mời và đề nghị gia đình bị cáo T có mặt tại nhà để tổ công tác tiến hành đo đạc xác định mốc giới, nhưng khi tổ công tác đến làm việc, đã giải thích yêu cầu nhưng bị cáo không hợp tác và có hành vi vừa đe dọa dùng vũ lực, vừa trực tiếp dùng vũ lực để ngăn cản, tấn công tổ công tác thực thi nhiệm vụ được giao và chưa hoàn thành. Việc gửi giấy mời, giấy báo của UBND xã Th1 cho gia đình Nguyễn Thị T đã được chị Hoàng Thị H3 nhân viên bưu điện xã và chị Nguyễn Thị Nh1 cán bộ văn phòng UBND xã Th1 xác nhận trong lời khai và tại phiên tòa.

Bị cáo Nguyễn Thị T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khoảng 10 giờ ngày 31/8/2017 tại nơi gia đình sinh sống, bị cáo T đã thực hiện nhiều hành vi như chửi bới, dùng dao quắm, liềm đe dọa việc dùng vũ lực rồi tiến đến dùng vũ lực để cắt dây thước, dùng kéo đâm vào tay anh Ngô Anh T3 để ngăn cản, đuổi không cho tổ công tác của UBND xã Th1 thực hiện công vụ được giao. Hành vi của bị cáo tự khai nhận phù hợp với lời khai của người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ nêu trên có trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ dấu hiệu cấu thành Tội chống người thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015). Bởi hành vi trên, bị cáo Nguyễn Thị T đã bị Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm về Tội chống người thi hành công vụ là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai. Ý kiến của bị cáo và quan điểm của người bào chữa cho rằng bị cáo không phạm tội chống người thi hành công vụ là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, khi áp dụng pháp luật cấp sơ thẩm lại áp dụng đối với tội danh của bị cáo theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015 là không chính xác. Bởi lẽ, theo khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: "Điều luật được áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện". Bị cáo Nguyễn Thị T thực hiện hành vi phạm tội chống người thi hành công vụ vào thời điểm ngày 31/8/2017 khi Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật và Điều 257 BLHS năm 1999 là điều luật đang có hiệu lực pháp luật để áp dụng xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo T. Mặt khác, khi so sánh Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999 với Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015 thì Điều 330 nặng hơn Điều 257, vì Điều 330 BLHS năm 2015 có quy định thêm một tình tiết tăng nặng mới định khung hình phạt ở khoản 2 Điều 330 là "Gây thiệt hại 50 triệu đồng trở lên" mà Điều 257 BLHS 1999 không quy định, nên quy định mới này không có lợi để áp dụng cho bị cáo theo khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa phần áp dụng pháp luật đối với Nguyễn Thị T phạm Tội chống người thi hành công vụ, theo quy định tại khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999 cho đúng và chính xác. Tương tự, đối với các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quy định về án treo, trách nhiệm dân sự sẽ được áp dụng theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét về phần hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức và gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, thể hiện sự coi thường pháp luật của nhà nước, nên cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Thành khẩn khai báo (bị cáo khai rõ hành vi phạm tội nhưng không nhận tội là do nhận thức của bị cáo); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bố đẻ và chồng của bị cáo có huân, huy chương nên đã áp dụng cho bị cáo được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS 2015 (tức điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS năm 1999) và đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo để áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS 2015 (tức khoản 1, 2 Điều 60 BLHS 1999), phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án là phù hợp quy định và thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T là người cắt đứt thước dây của UBND xã Th1 đã gây thiệt hại tài sản công trị giá 30.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại cho UBND xã Th1 số tiền trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Chiếc liềm là phương tiện bị cáo T dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị nên cấp sơ thẩm tịch thu tiêu hủy là đúng. Đối với hộp thước dây đã bị đứt, đây là tài sản của UBND xã Th1 nên trả lại cho chủ sở hữu.

Về án phí: Bị cáo T bị kết tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự như cấp sơ thẩm quyết định là đúng quy định.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa có căn cứ được chấp nhận.

Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 27A/2018/HS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên về nội dung, sửa phân áp dụng pháp luật như sau:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm Tội chống người thi hành công vụ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 257; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/4/2018.

Giao Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Th1 huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền 30.000đ, (ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Tịch thu 01 chiếc liềm dài 35cm, chuôi bằng gỗ dài 11cm, lưỡi liềm bằng kim loại màu xám dài 24cm, cho tiêu hủy.

Trả lại Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 01 hộp thước dây loại 50m (đã bị cắt đứt).

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y ngày 06/02/2018.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Y;
- TAND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Bị cáo T;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Trần Đình Hiền

